TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bản án số:**70**/2019/HS-ST*
Ngày: 10/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: ***Ông Trần Ngọc Triệu***
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Tấn Đấu
2. Ông Nguyễn Phước Lộc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Sơn Thái Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 và ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Dương Phú L, sinh năm 1979, tại: Hà Tây, Hà Nội; Nơi cư trú: số 5, Ngõ 3A, Lê Đại Hành, khối 7, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Phong L và bà: Nguyễn Thị L; Vợ: Hoàng Thị Mai H, sinh năm 1980; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2018, đến ngày 31/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh (có mặt).

2. Hoàng Văn Tr, sinh năm 1991, tại: TP. Lạng Sơn, Lạng Sơn; Nơi cư trú: khối 4, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn L và bà: Phan Thị I; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2018, đến ngày 14/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh.

3. Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1982, tại: Bảo Yên, Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng C và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2018, đến ngày 12/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh.

4. Nguyễn Đình H, sinh năm 1992, tại: Quốc Oai, Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên, Lào Cai; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q và bà: Bùi Thị V; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2018, đến ngày 14/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1/ Thị Kim Chi, sinh năm 1960

Chổ ở: ấp 4, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

2/ Lâm Thị Ngọc Hồi, sinh năm 1974

Chổ ở: tổ 3, ấp 3, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

3/ Trần Phương Loan, sinh năm 1975

Chổ ở: tổ 5, ấp Chuồng Vích, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

4/ Nguyễn Văn Tèo, sinh năm 1976

5/Phan Thị Thanh Thúy, sinh năm 1987

6/ Huỳnh Thị Kim Tuyết, sinh năm 1967

7/ Lê Thị Xuân, sinh năm, 1968

8/ Cao Văn Dân, sinh năm 1990

9/ Đào Văn Lợi, sinh năm 1985

10/ Phan Thị Lan Trinh, sinh năm 1973

11/ Ngô Thị Mười, sinh năm 1975

12/ Ngô Ngọc Bích, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

13/ Nguyễn Tấn Lượng, sinh năm 1980

14/ Nguyễn Thị Thức, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: ấp Chuồng Vích, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

15/ Thị Lành, sinh năm 1962

16/ Đinh Thị Mỹ Hiệp, sinh năm 1978

17/ Dương Thị Thúy Vy, sinh năm 1989

18/ Nguyễn Thị Liễu, sinh năm 1958

19/ Nguyễn Văn Bèo, sinh năm 1964

20/ Lữ Văn Thượng, sinh năm 1990

21/ Nguyễn Hữu Phúc, sinh năm 1969

22/ Nguyễn Thị Hồng Dân, sinh năm 1984

23/ Phạm Hồng Dân, sinh năm 1968

24/ Lê Thị Đua, sinh năm 1941

25/ Lê Thị Phương Thanh, sinh năm1968

26/ Lê Thị Ngọc Hương, sinh năm 1958

27/ Thị Thại, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

28/ Lê Thị Ca, sinh năm 1984

29/ Thái Thanh Dung, sinh năm 1975

30/ Nguyễn Văn Tá, sinh năm 1969

31/ Lê Thị Hoa, sinh năm 1968

32/ Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1985

33/ Thái Văn Cường, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: ấp Chuồng Vích, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

34/ Ngô Minh Trung, sinh năm 1945

Địa chỉ: xã Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tinh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/10/2018 Công an huyện Phú Quốc tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở hoạt động kinh doanh Lễ Công thì phát hiện nhiều chứng cứ liên quan đến hoạt động cho vay nặng lãi sau đó tiến hành làm việc thì được Dương Phú L là chủ cơ sở kinh doanh L công khai nhận:

Vào tháng 12/2016, Dương Phú L đến ấp A, xã B, Phú Quốc, Kiên Giang bắt đầu hoạt động cho vay tiền với tên cơ sở là "Lễ Công". L thuê Hoàng Văn Tr vào làm và trả tiền công mỗi tháng 9.000.000 đồng, nhiệm vụ của Tr hàng ngày có mặt tại cơ sở, khi khách hàng đến vay tiền thì Tr đến nơi ở của người vay xem

xét nơi ở và mức thu nhập để quyết định số tiền cho vay ít hay nhiều, rồi trực tiếp đứng ra cho khách hàng vay tiền, lập hợp đồng vay (nếu có), vào sổ theo dõi khách hàng vay và trả tiền lãi hàng ngày. Thủ tục cho vay tiền, người vay chỉ cần đưa hộ khẩu thường trú (tạm trú), giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy phép lái xe là đủ điều kiện vay, còn nguồn tiền cho vay L cung cấp cho Tr mỗi lần từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, khi Tr cho vay hết tiền gốc thì L sẽ tiếp tục cung cấp tiền. Sau đó, tiền thu được từ hoạt động cho vay Tr chuyển vào tài khoản của L tại ngân hàng Sacombank chi nhánh Lạng Sơn khi L yêu cầu. Hình thức cho vay tiền, L quy định là *"vay đứng"* và *"vay góp"*. Nếu vay đứng, hàng ngày phải trả tiền lãi đến khi trả hết tiền gốc một lần thì chấm dứt việc cho vay. Nếu người vay chọn vay góp, hàng ngày phải trả tiền gốc và lãi tùy theo số tiền vay và số ngày quy định (có sẵn bản tính tiền góp). Lãi suất cho vay từ 0,5%/ - 01%/ngày, tương đương từ 182%/ - 365%/năm, cao gấp 09 đến 18 lần của mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến tháng 2 và 5/2018, L thuê Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đình H vào làm tại cơ sở Lễ Công, trả tiền công mỗi người 6.000.000 đồng/tháng. L phân công cho Đ và H hàng ngày khách đến vay tiền thì đến nơi ở của người vay xác minh nơi ở, mức thu nhập rồi thông báo cho Tr biết để quyết định cho vay tiền. Sau đó, nếu người vay không trả tiền lãi thì Đ và H đến nơi ở của người vay để đòi, thúc giục người vay đến cơ sở trả tiền lãi, còn nếu người vay trả tiền lãi trực tiếp thì thu tiền mang về giao cho Tr quản lý, vào sổ theo dõi.

Từ ngày 01/01/2018 đến 19/10/2018, L và Tr đã cho 286 lượt người vay tiền, số tiền sử dụng vào việc cho vay là 5.047.500.000 đồng. Số tiền lãi L đã thu là 2.488.851.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp 976.314.000 đồng, thu lợi bất chính 1.512.537.000 đồng. Tuy nhiên, do một số người vay tiền là dân lao động tự do, sống tạm trú, khi không có khả năng trả tiền vay đã bỏ địa phương đi nên không làm việc được hiện chỉ xác minh làm rõ được 34 người đến vay tiền tại cơ sở Lễ Công, L và đồng phạm thu lợi bất chính cụ thể như sau:

01. Thi Kim Chi vay 05 lần từ 09/01/2017 đến 28/01/2018 với tổng số tiền vay 240.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay 155.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 40.000.000, nợ tiền gốc 115.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 106.680.000 đồng;

02. Lâm Thị Ngọc Hồi vay 07 lần từ 15/01/2017 đến 06/5/2018 với tổng số tiền vay 310.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay 120.000.000 đồng, nợ tiền gốc, tiền lãi thu lợi bất chính 74.820.000 đồng;

03. Trần Phương Loan vay 02 lần từ 11/01/2017 đến 22/6/2018 với tổng số tiền vay 50.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay 40.000.000 đồng, nợ tiền gốc, tiền lãi thu lợi bất chính 68.184.000 đồng;

04. Nguyễn Văn Tèo vay 05 lần từ 20/8/2017 đến 16/9/2018 với tổng số tiền vay 380.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay 290.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 210.000.000 đồng, nợ tiền gốc 80.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 57.930.000 đồng;

05. Phan Thị Thanh Thúy vay 12 lần từ 08/12/2016 đến 28/4/2018 với tổng số tiền 195.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay 95.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 75.000.000 đồng, nợ tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 38.228.000 đồng;

06. Huỳnh Thị Kim Tuyết vay 06 lần từ 16/01/2017 đến 10/11/2017 với tổng số tiền vay 91.000.000 đồng, đã trả 72.500.000đ, còn lại 18.500.000 đồng vay đến năm 2018 và đóng lãi trong năm 2018 của khoản vay 18.500.000 đồng là 52.725.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 37.962.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc;

07. Lê Thị Xuân vay 04 lần từ 11/01/2017 đến 06/6/2017 với tổng số tiền vay 58.000.000 đồng, đã trả 33.000.000đ, còn nợ lại 25.000.000đ vay đến năm 2018 và đóng lãi trong năm 2018 của khoản vay 25.000.000đ là 37.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 26.640.000 đồng, nợ tiền gốc;

08. Cao Văn Dân vay 03 lần từ ngày 04/6/2018 đến 26/7/2018 với tổng số tiền vay 90.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 60.000.000 đồng, nợ tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 23.556.000 đồng;

09. Đào Văn Lợi vay 06 lần từ 23/8/2017 đến 16/6/2018 với tổng số tiền vay 120.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay 40.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 30.000.000 đồng, nợ tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 21.954.000 đồng;

10. Phan Thị Lan Trinh vay 01 lần ngày 20/8/2017 với số tiền vay 30.000.000 đồng, vay đến năm 2018, tiền lãi thu trong năm 2018 của khoản vay là 47.400.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 20.856.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc;

11. Ngô Thị Mười vay 01 lần, khoản vay kéo dài từ 07/10/2017 đến 13/7/2018 với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng. Đã trả 1.850.000 đồng , tiền lãi thu năm 2018 của khoản vay 23.150.000đ là 23.510.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 16.928.000 đồng, đã trả tiền gốc được 12.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc 13.000.000 đồng;

12. Ngô Ngọc Bích vay 03 lần từ 08/01/2017 đến 02/10/2018 với tổng số tiền vay 45.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 25.000.000 đồng, nợ tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 16.812.000 đồng;

13. Nguyễn Tấn Lượng vay 02 lần từ 13/8/2017 đến 02/9/2018 với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng, nợ tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 15.624.000 đồng;

14. Nguyễn Thị Thức vay 07 lần từ 10/01/2017 đến 15/8/2018 với tổng số tiền vay 116.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 55.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 35.000.000 đồng, nợ tiền gốc 20.000.000, tiền lãi thu lợi bất chính 14.796.000 đồng;

15. Thị Lành vay 03 lần từ ngày 04/02/2018 đến 03/8/2018 với tổng số tiền vay 50.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 30.000.000 đồng, nợ tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 14.100.000 đồng;

16. Đinh Thị Mỹ Hiệp vay 01 lần, khoản vay kéo dài 06/7/2018 đến 23/8/2018 với số tiền vay 15.000.000, tiền lãi thu lợi bất chính 12.024.000 đồng, nợ tiền gốc;

17. Dương Thị Thúy Vy vay 08 lần từ 14/12/2017 đến 12/7/2018 với tổng số tiền vay 68.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 55.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 8.828.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

18. Nguyễn Thị Liễu vay 09 lần từ 21/02/2017 đến 16/6/2018 với tổng số tiền vay 121.000.000 đồng. Đã trả 21.000.000 đồng còn nợ đến năm 2018 là số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính số tiền 100.000.000đ là 8.161.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

19. Nguyễn Văn Bèo vay 01 lần ngày 10/7/2018 với số tiền vay 15.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 6.496.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

20. Lê Thị Ca vay 12 lần từ 20/12/2016 đến 04/10/2018 với tổng số tiền vay 97.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 37.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 27.000.000 đồng, nợ tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 6.358.000 đồng;

21.Ngô Minh Trung vay 01 lần ngày 04/3/2017 với số tiền 10.000.000 đồng, vay đến năm 2018 tiền lãi thu trong năm 2018 của khoản vay là 6.900.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 4.968.000 đồng, nợ tiền gốc;

22. Lữ Văn Thượng vay 01 lần ngày 16/5/2018 với số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 4.446.000 đồng, nợ tiền gốc;

23. Thái Thanh Dung vay 03 lần từ ngày 26/8/2017 đến ngày 08/9/2018 với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 10.000.000 đồng, nợ tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 4.058.000 đồng;

24. Nguyễn Văn Tá vay 05 lần từ 03/5/2017 đến 11/01/2018 với tổng số tiền vay 29.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 3.996.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

25. Nguyễn Hữu Phúc vay 02 lần từ 20/3/2018 đến 15/5/2018 với tổng số tiền vay 120.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 3.720.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

26. Nguyễn Thị Hồng Dân vay 05 từ 11/6/2017 đến 09/10/2018 lần với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 20.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 15.000.000 đồng, nợ tiền gốc 5.000.000 đồng, tiến lãi thu lợi bất chính 3.708.000 đồng;

27. Phạm Hồng Dân vay 09 lần từ 04/7/2017 đến 08/10/2018 với tổng số tiền vay 21.500.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 14.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 3.167.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

28. Lê Thị Hoa vay 09 lần từ 11/4/2017 đến 05/8/2017 với tổng số tiền vay 58.500.000 đồng, đã trả hết 50.000.000đ, còn nợ đến năm 2018 là 5.000.000đ. Tiền lãi thu trong năm 2018 của khoản vay 5.000.000 đồng là 4.300.000 đồng, tiền lãi hợp pháp 1.204.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 3.096.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

29. Lê Thị Đua vay 06 lần từ 19/01/2017 đến 15/6/2018 với tổng số tiền vay 20.500.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 6.500.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 2.646.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

30. Nguyễn Thị Cúc vay 02 lần từ ngày 07/3/2017 đến 04/7/2018 với tổng số tiền vay 6.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 3.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 2.520.000 đồng, nợ tiền gốc;

31. Lê Thị Phương Thanh vay 03 lần từ 23/6/2018 đến 03/10/2018 với tổng số tiền vay 12.000.000 đồng, đã trả tiền gốc 9.000.000 đồng, nợ tiền gốc 3.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 2.354.000 đồng;

32. Lê Thị Ngọc Hương vay 09 lần từ 12/8/2017 đến 01/3/2018 với tổng số tiền vay 47.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay số tiền 18.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính 1.740.000 đồng, đã trả đủ tiền gốc;

33. Thị Thại vay 01 lần ngày 12/10/2018 với số tiền vay 5.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 570.000 đồng, nợ tiền gốc;

34. Thái Văn Cường vay 03 lần từ 30/3/2017 đến 22/9/2018 với tổng số tiền 280.000.000 đồng. Trong năm 2018 vay 20.000.000 đồng, chưa đóng lãi và chưa trả tiền gốc;

Như vậy, đối với 34 người đã vay tiền tại cơ sở Lễ Công đã được điều tra làm rõ, qua đó:

- Tổng tiền đã cho vay từ ngày 01/01/2018: 1.599.000.000 đồng:

+ Tiền gốc đã thu được: 962.500.000 đồng;

+ Tiền gốc chưa thu được: 636.500.000 đồng;

+ Tổng tiền thu lợi bất chính từ ngày 01/01/2018: 637.926.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại A71, màu vàng, Model CPH 1801, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F9, màu tím, Model CPH 1825, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F5, màu vàng, Model CPH 1723, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, màn hình cảm ứng, không rõ chủng loại, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, Model 1201, một góc màn hình cảm ứng bị vỡ, số IMEI: 866919029321811, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, loại 4S, màu đen, Model A1387, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, loại 5S, màu đen, Model A1429, số IMEI: 013619002116921, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model TA-1010, số IMEI: 355816097287247, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model TA-1010, số IMEI: 354492093647825, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model TA-1010, số IMEI: 357342087707142, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, Model 1202, số IMEI: 352017/04/251226/7, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng, Model 1110i, số IMEI: 352036/02/452486/8, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu vàng, Model N536, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu xanh, Model A130, số IMEI: 301014161590556, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Asus- Zenfone, màu đen, không rõ chủng loại, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Huawei, màu đen, Model RNE- L22, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, Model 1718, số IMEI: 866950036356474, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Sony, màu trắng, Model E2312, số Serial: YT911AT6SM, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Coolpad, màu vàng, không rõ chủng loại, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu MJ Phone, màu đen, Model X13, số Serial: X13/16008048, đã sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, Model SMA730, số IMEI: 355113/09/021796/1, đã sử dụng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung, màu trắng, số Serial: R52JA1LVKST, đã sử dụng; 01 máy vi tính xách tay hiệu HP, màu vàng, Model 15-da0048TU, đã sử dụng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng đậm, chiều dài 52 cm, không rõ trọng lượng, trên dây chuyền có khắc ký tự "N.HEN", "610", "C"; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng nhạt, mặt có gắn đá màu trắng, không rõ trọng lượng, trên nhẫn có khắc ký tự "*A HCA", "N*610", "20"; 01 đồng hồ

đeo tay bằng kim loại, hiệu KINYUED 1986, loại 3ATN, màu bạc, đã sử dụng; 01 màn hình máy vi tính hiệu Compad 3201, màu đen, đã sử dụng; 01 CPU của máy vi tính có ký hiệu "SP", màu đen, đã sử dụng;

(Các tài sản trên, qua điều tra xác minh không liên quan đến vụ án, do đó đã trao trả chủ sở hữu).

- 27 cuốn tập ghi nội dung thu chi trong ngày của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 38 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, đã sử dụng; 04 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, chưa sử dụng; 01 cuốn sổ quản lý thu chi của cơ sở cầm đồ Lễ Công, chưa sử dụng; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ có nội dung "DỊCH VỤ CẦM ĐỒ LỄ CÔNG, Số ĐKKD: 56L 8010686, ĐC: Ấp Gành Dầu - xã Gành Dầu - huyện Phú Quốc - Tỉnh Kiên Giang"; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ, có nội dung "Dương Phú L"; 01 cuốn sổ quản lý lưu trú của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 02 cây dao tự chế; 01 cây gậy rút vũ; 01 cây gậy sắt; 01 cây súng bắn bi; 01 hộp bi sắt; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F3, màu đen, Model CPH 1609, số Serial: Y9Q48SJRFAOBS49P (Dương Phú L); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, loại 5S, màu trắng, Model A1530, số IMEI: 355677073267862, đã sử dụng (Nguyễn Đình Hiếu); 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ, Model A130, số IMEI: 301014166158458, đã sử dụng (Hoàng Văn Tr); Tiền Việt Nam: 6.610.000 đồng (thu tại cơ sở Lễ Công); Tiền Việt Nam: 39.000.000 đồng (thu trên người Dương Phú L); Tiền Việt Nam: 500.000.000 đồng, Hoàng Thị Mai H nộp khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số: 50/CT-VKSPQ ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc đã truy tố các bị cáo Dương Phú L, Hoàng Văn Tr, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đức Đ, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Dương Phú L, Hoàng Văn Tr, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đức Đ, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Dương Phú L từ 12 – 18 tháng tù

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Tr từ 12 – 18 tháng tù

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H từ 09 – 12 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ từ 09 – 12 tháng tù.

Về tang vật: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 27 cuốn tập ghi nội dung thu chi trong ngày của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 38 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, đã sử dụng; 04 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, chưa sử dụng; 01 cuốn sổ quản lý thu chi của cơ sở cầm đồ Lễ Công, chưa sử dụng; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ có nội dung "DỊCH VỤ CẦM ĐỒ LỄ CÔNG, Số ĐKKD: 56L 8010686, ĐC: Ấp Gành Dầu, Xã Gành Dầu, Huyện Phú Quốc ,Tỉnh Kiên Giang"; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ, có nội dung "Dương Phú L"; 01 cuốn sổ quản lý lưu trú của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 02 cây dao tự chế; 01 cây gậy rút vũ; 01 cây gậy sắt; 01 cây súng bắn bi; 01 hộp bi sắt.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F3, màu đen, Model CPH 1609, số Serial: Y9Q48SJRFAOBS49P (Dương Phú Lễ); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, loại 5S, màu trắng, Model A1530, số IMEI: 355677073267862, đã sử dụng (Nguyễn Đình H); 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ, Model A130, số IMEI: 301014166158458, đã sử dụng (Hoàng Văn Tr) và 6.610.000 đồng (thu tại cơ sở Lễ Công, tiền để cho vay).

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 39.000.000 đồng thu giữ trên người Dương Phú L và số tiền 500.000.000 đồng, Hoàng Thị Mai H (vợ L) giao nộp trong giai đoạn điều tra.

Số tiền gốc 1.599.000.000 đồng, Dương Phú L sử dụng vào việc cho vay là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước. Trong đó, L đã thu tiền gốc lại được 962.500.000 đồng và số tiền lãi thu lợi bất chính là 637.926.000 đồng, buộc L giao nộp lại tổng số tiền 1.600.426.000 đồng (trừ lại cho L số tiền 500.000.000 đồng do vợ bị cáo đã giao nộp lại trong quá trình điều tra). Còn lại 636.500.000 đồng là tiền gốc L cho người vay nhưng chưa trả cho L đây cũng là tiền mà L sử dụng vào việc phạm tội do đó buộc những người vay này phải giao nộp toàn bộ số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm 34 đương sự: có đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, có đương sự qua xác minh bỏ địa bàn không còn cư trú, có đương sự được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Qua xem xét đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra điều xác nhận có vay tiền tại cơ sở "Lễ Công" do Dương Phú L làm chủ và hiện chưa trả gốc. Hội đồng

xét xử nghị đây là tiền L cho vay nhưng là tiền sử dụng vào việc phạm tội, nghị buộc những người vay này giao nộp sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc truy tố, không có ý kiến gì và có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Quốc, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc đã tuân thủ nghiêm các quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 19/10/2018, Dương Phú L thuê Hoàng Văn Tr, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đức Đ thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng. Mức lãi suất cho vay từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày, tương đương từ 182%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 9 đến 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự hiện hành. Qua làm việc được với 34 người vay tiền trong thời gian hoạt động này, L, Tr, Đ và H đã cho vay với tổng số tiền 1.599.000.000 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 637.926.000 đồng.

Căn cứ vào các biên nhận nợ vay căn cứ vào lời khai của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo Dương Phú L, Hoàng Văn Tr, Nguyễn Đình H, Nguyễn Đức Đ, đã phạm vào tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo Dương Phú L, Hoàng Văn Tr, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đình H gây ra là nguy hiểm cho xã hội bởi vì đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo còn có khả năng làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cũng như sức khỏe của những người vay tiền và gia đình của họ. Mặc dù bản thân các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích thu lợi bất chính, do tư lợi cá nhân mà các bị cáo xem thường pháp luật, bản thân các bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật thay vì phải biết sống đặt mình vào khuôn khổ của pháp luật nhưng các bị cáo lại chọn việc vi phạm pháp luật, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của các bị cáo. Do đó cần áp dụng một hình phạt thích đáng để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xem xét vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án nhằm đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Dương Phú ễ: Vai trò của bị cáo trong vụ án này là đầu vụ, bị cáo là người trực tiếp cung cấp nguồn vốn vào việc cho vay và quy định mức lãi suất vượt quy định, ngoài ra đối với các khoản vay với số tiền lớn thì bị cáo chính là người quyết định việc cho vay, đã thu lợi bất chính trong một thời gian dài. Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt của bị cáo sẽ nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Hoàng Văn Tr: Vai trò của bị cáo trong vụ án là đồng phạm giúp sức tích cực nhất, bị cáo là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động cho vay dưới sự chỉ đạo của bị cáo L. Đa số có giao dịch cho vay đều do bị cáo Tr thực hiện. Mức hình phạt của bị cáo sẽ nhẹ hơn bị cáo L nhưng cao hơn bị cáo H và Đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đình H: 02 bị cáo giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L trong việc cho vay và thu tiền lãi của những người vay, tuy nhiên cũng ghi nhận các bị cáo trong vụ án này là người làm công, được trả tiền hàng tháng và không có thu lợi bất chính từ tiền lãi. Mức hình phạt của bị cáo Đ và H sẽ nhẹ hơn bị cáo L và Tr

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn thai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Riêng bị cáo Dương Phú L có người thân là người có công với cách mạng; những người vay tiền của bị cáo L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; ngoài ra số tiền gốc L cho vay nhưng người vay chưa trả là 636.500.000đồng tại phiên tòa bị cáo tự nguyện giao nộp thay cho những người vay này, tuy nhiên bị cáo L xin

không nộp thay tiền vay của bà Thị Kim Chi số tiền 115.00.000đ, bà Lâm Thị Ngọc Hồi số tiền 120.000.000đ; số tiền còn lại 401.500.000đ bị cáo tự nguyện nộp thay. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội có tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên theo điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 27 cuốn tập ghi nội dung thu chi trong ngày của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 38 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, đã sử dụng; 04 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, chưa sử dụng; 01 cuốn sổ quản lý thu chi của cơ sở cầm đồ Lễ Công, chưa sử dụng; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ có nội dung "DỊCH VỤ CẦM ĐỒ LỄ CÔNG, Số ĐKKD: 56L 8010686, ĐC: Ấp Gành Dầu - Xã Gành Dầu - Huyện Phú Quốc - Tỉnh Kiên Giang"; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ, có nội dung "Dương Phú L"; 01 cuốn sổ quản lý lưu trú của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 02 cây dao tự chế; 01 cây gậy rút vũ; 01 cây gậy sắt; 01 cây súng bắn bi; 01 hộp bi sắt.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F3, màu đen, Model CPH 1609, số Serial: Y9Q48SJRFAOBS49P (Dương Phú Lễ); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, loại 5S, màu trắng, Model A1530, số IMEI: 355677073267862, đã sử dụng (Nguyễn Đình H); 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ, Model A130, số IMEI: 301014166158458, đã sử dụng (Hoàng Văn Tr) và 6.610.000 đồng (thu tại cơ sở Lễ Công, tiền để cho vay).

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 39.000.000 đồng thu giữ trên người Dương Phú Lễ và số tiền 500.000.000 đồng, Hoàng Thị Mai H (vợ L) giao nộp trong giai đoạn điều tra.

Buộc Dương Phú L giao nộp số tiền 2.001.926.000đ (gồm 962.500.000 đồng tiền gốc cho vay thu hồi được; 637.926.000 đồng tiền lãi thu lợi bất chính và 401.500.000đ tiền cho vay nhưng chưa thu hồi được) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền 539.000.000đồng (gồm 39.000.000đ thu giữ trên người L và 500.000.000đ do Hoàng Thị Mai H vợ L nộp trong giai đoạn điều tra), bị cáo L còn phải nộp số tiền 1.462.926.000đ (một tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng)

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bà Thị Kim Chi giao nộp lại số tiền 115.00.000đ, bà Lâm Thị Ngọc Hồi giao nộp số tiền 120.000.000đ đây là tiền vay của bị L nhưng chưa trả cho L đây cũng là tiền mà L sử dụng vào việc phạm

tội do đó buộc những người vay này phải giao nộp toàn bộ số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[7]. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát: Tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

a. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Phú L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt: **Dương Phú L 08 (tám) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành hình phạt tù. Nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2018 đến ngày 31/01/2019.

b. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn Tr, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Đình H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt: Hoàng Văn Tr **07 (bảy) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành hình phạt tù. Nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2018 đến ngày 14/02/2019.

Xử phạt: Nguyễn Đức Đ **06 (sáu) tháng tù.** Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành hình phạt tù. Nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2018 đến ngày 12/3/2019.

Xử phạt: Nguyễn Đình H **06 (sáu) tháng tù.** Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành hình phạt tù. Nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2018 đến ngày 14/02/2019.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 27 cuốn tập ghi nội dung thu chi trong ngày của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 38 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, đã sử dụng; 04 cuốn sổ theo dõi khách cầm đồ, chưa sử dụng; 01 cuốn sổ quản lý thu chi của cơ sở cầm

đồ Lễ Công, chưa sử dụng; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ có nội dung "DỊCH VỤ CẦM ĐỒ LỄ CÔNG, Số ĐKKD: 56L 8010686, ĐC: Ấp Gành Dầu - Xã Gành Dầu - Huyện Phú Quốc - Tỉnh Kiên Giang"; 01 con dấu hình chữ nhật, màu đỏ, có nội dung "Dương Phú L"; 01 cuốn sổ quản lý lưu trú của cơ sở cầm đồ Lễ Công; 02 cây dao tự chế; 01 cây gậy rút vũ; 01 cây gậy sắt; 01 cây súng bắn bi; 01 hộp bi sắt.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại F3, màu đen, Model CPH 1609, số Serial: Y9Q48SJRFAOBS49P (Dương Phú L); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, loại 5S, màu trắng, Model A1530, số IMEI: 355677073267862, đã sử dụng (Nguyễn Đình H); 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đỏ, Model A130, số IMEI: 301014166158458, đã sử dụng (Hoàng Văn Tr) và 6.610.000 đồng (thu tại cơ sở Lễ Công, tiền để cho vay).

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 39.000.000 đồng thu giữ trên người Dương Phú L và số tiền 500.000.000 đồng, Hoàng Thị Mai H (vợ L) giao nộp trong giai đoạn điều tra.

(Tang vật trên được chuyển giao cho Chi cục thi hành án Dân sự huyện Phú Quốc theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2019).

Buộc Dương Phú L giao nộp số tiền 2.001.926.000đ (gồm 962.500.000 đồng tiền gốc cho vay thu hồi được; 637.926.000 đồng tiền lãi thu lợi bất chính và 401.500.000đ tiền cho vay nhưng chưa thu hồi được) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền 539.000.000đồng (gồm 39.000.000đ thu giữ trên người L và 500.000.000đ do Hoàng Thị Mai H vợ L nộp trong giai đoạn điều tra), bị cáo L còn phải nộp số tiền 1.462.926.000đ (một tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện xóa nợ và nộp tiền thay của bị cáo Dương Phú L đối với 32 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) trong vụ án gồm:

Bà Trần Phương Loan; ông Nguyễn Văn Tèo, bà Phan Thị Thanh Thúy; bà Huỳnh Thị Kim Tuyết; bà Lê Thị Xuân; ông Cao Văn Dân; ông Đào Văn Lợi; bà Phan Thị Lan Trinh; bà Ngô Thị Mười; bà Ngô Ngọc Bích; ông Nguyễn Tấn Lượng; bà Nguyễn Thị Thức; bà Thị Lành; bà Đinh Thị Mỹ Hiệp; bà Dương Thị Thúy Vy; bà Nguyễn Thị Liễu; ông Nguyễn Văn Bèo; ông Lữ Văn Thượng; ông Nguyễn Hữu Phúc; bà Nguyễn Thị Hồng Dân; ông Phạm Hồng Dân; bà Lê Thị Đua; bà Lê Thị Phương Thanh; bà Lê Thị Ngọc Hương; bà Thị Thại; bà Lê Thị Ca; ông Thái Thanh Dung; ông Nguyễn Văn Tá; bà Lê Thị Hoa; bà Nguyễn Thị Cúc; ông Thái Văn Cường; ông Ngô Minh Trung.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bà Thị Kim Chi nộp lại số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng); Bà Lâm Thị Ngọc Hồi giao nộp lại số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nới cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Nhà tạm giữ huyện Phú Quốc;
- Đội tổng hợp CA huyện PQ;
- THA huyện Phú Quốc;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Triệu